

# Bảng Dữ liệu Sản phẩm

## Corro-Coat PE Series 50

### Mô tả sản phẩm

Corro-Coat PE Series 50 là loại sơn bột đa năng chế tạo từ nhựa polyester TGIC-free rất bền, sử dụng ngoại thất, đã được phát triển để tạo bề mặt bất mất, kết hợp các đặc tính bảo vệ và độ bền cao đối với thời tiết cũng như bề mặt hoàn thiện chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của người sử dụng.

### Phạm vi ứng dụng

Corro-Coat PE Series 50 làm được nhiều loại bề mặt khác nhau, thích hợp với các ứng dụng nội thất và ngoại thất. Sản phẩm được thiết kế để đạt độ bền đối với thời tiết khi ở ngoài trời và bảo vệ bề mặt nội thất, có thể dùng để phun lên bề mặt kiến trúc nhôm cũng như sắt, thép và kim loại màu. Phạm vi ứng dụng tiêu biểu là các sản phẩm nhôm kiến trúc ép đùn để dùng làm các chi tiết và phụ kiện xây dựng, đồ dùng trong vườn, máy nông nghiệp, phụ tùng và phụ kiện xe hơi, xe đạp, máy điều hoà không khí, các thiết bị chiếu sáng.

Khi dùng in lụa lên hay chất trét kín, nên thực hiện những thử nghiệm riêng rẽ để bảo đảm rằng sơn này thích hợp và đáp ứng được các tiêu chuẩn.

### Xử lý bề mặt

Chất lượng tổng thể của hệ sơn phụ thuộc chủ yếu vào loại và chất lượng xử lý bề mặt. Sau đây là những cách xử lý đề nghị áp dụng cho những nền kim loại thông dụng nhất:

Nhôm	Chromate hóa
Thép	Phosphate kẽm
Thép tráng kẽm	Phosphate kẽm hoặc Chromate hóa
Rửa sạch lần cuối (đã khử ion)	Cần thử nghiệm lượng nước sau cùng chảy ra từ sản phẩm, ở 20°C. Kết quả đo được phải dưới 30µS/cm.

### Thời gian sấy

20 phút, nhiệt độ sản phẩm 170°C  
12 phút, nhiệt độ sản phẩm 180°C  
8 phút, nhiệt độ sản phẩm 200°C

### Lựa chọn màu sắc

Corro-Coat PE Series 50 có sẵn nhiều loại màu sắc sản xuất theo yêu cầu của khách hàng, gồm cả RAL và NCS.

### Hoàn thiện

Corro-Coat PE Series 50 tạo các bề mặt hoàn thiện trơn láng và sần. Lớp hoàn thiện trơn có độ bóng từ 20 đến 95% (góc 60° đo theo tiêu chuẩn EN ISO 2813).

### Phun sơn

Corro-Coat PE Series 50 phù hợp cho việc sử dụng với các thiết bị phun sơn bằng phương pháp Corona (nap điện thế cao) và Tribo (tích điện bằng ma sát).

### Điều kiện lưu kho

Giữ ở nơi khô ráo và mát mẻ. Tối đa nhiệt độ 25°C. Độ ẩm tương đối 60%. (Xin xem Phần 7 "Recommended Process and Process Control Requirements for Architectural Aluminum Alloys' Coating". Phần 2, "Quality and Warranty").

### Bảo quản

Xin tham khảo "Powder Coated Façades' Maintenance" trong Phần 3, văn kiện "Quality and Warranty".



Jotun Powder Coatings

## Thông tin kỹ thuật

Các thông tin kỹ thuật dưới đây là tiêu biểu cho Corro-Coat PE Series 50 phun trên các tấm thép dày 0.8mm cán nguội đã phủ phosphate kẽm (độ dày màng phim 65µ). Các trị số tiêu biểu trong khi thử nghiệm, không nhất thiết là đã được sửa đổi trong thời gian gần đây.

Mô tả	Tiêu chuẩn	Series 50
Độ bám dính	EN ISO 2409 (2mm)	Lực cắt chéo tiêu chuẩn Gi0 (bám dính 100%).
Độ bền va đập	ASTM D 2794 (5/8" ball)	Hầu hết các cấp vượt 60 inch-pounds, màng phim không bị nứt.
Thử vuốt	EN ISO 1520	Hầu hết các cấp vượt 5mm, màng phim không bị nứt.
Độ uốn	EN ISO 1519	Hầu hết các cấp vượt 12mm, màng phim không bị nứt.
Độ cứng màng phim	EN ISO 2815	Độ bền khi bị lõm theo Buchholz: > 70.
Độ bền khi phun nước muối	ASTM B 117	Tuyệt vời. Đo theo mức phồng rộp và sự mất độ bám dính.
Độ bền trong không khí ẩm	DIN 50017	Tuyệt vời. Đo theo mức phồng rộp và sự mất độ bám dính.
Độ bền đối với tia tử ngoại	ASTM G 154 (UVB-313)	Tuyệt vời. Đo theo mức bền màu và duy trì độ bóng.

**Ghi chú:** Các thông tin trong Bản Dữ liệu Sản phẩm này được đưa ra theo mức hiểu biết cao nhất của nhà sản xuất, căn cứ vào các thử nghiệm và kinh nghiệm thực tế. Tuy nhiên do sản phẩm thường được sử dụng trong những điều kiện vượt quá sự kiểm soát của nhà sản xuất, nên chúng tôi không thể bảo đảm điều gì ngoài chất lượng của chính sản phẩm. Công ty Jotun Powder Coatings có quyền thay đổi nội dung các Số liệu Kỹ thuật này mà không cần phải thông báo trước.

Jotun Powder Coatings. Sửa đổi tháng Giêng 2005.  
BẢN DỮ LIỆU SẢN PHẨM NÀY THAY THẾ TẤT CẢ CÁC BẢN DỮ LIỆU TRƯỚC ĐÂY.